

# VẤN ĐỀ TAM GIÁO QUA BÀI MINH TRÊN CHUÔNG CHÙA THANH LÂM

NGUYỄN MẠNH CƯỜNG\*

Tam giáo, một thuật ngữ khoa học thường được hiểu là sự kết hợp hài hòa giữa các đạo lớn như: **Phật - Nho - Đạo**, trong cùng một tín ngưỡng, trong cùng một kiến trúc tôn giáo và một cộng đồng xã hội.

Trong tác phẩm gần đây về *Tôn giáo Thế giới và Việt Nam*, Mai Thanh Hải có viết về Tam giáo như sau: "...Các chùa thờ Phật nhiều khi cũng thờ thêm các vị thánh thần của Đạo Lão mà dân tin cậy trông ngóng, như chùa Thầy ở Sài Sơn, ngược lại các đền, các phủ cũng đặt thêm tượng Phật lên bệ thờ. Có những trường hợp thật minh bạch rõ ràng như chùa Châu Đài ở làng Thượng Cát (Từ Liêm, Hà Nội) mà dân chúng nhiều đời quen gọi là "đền Tam Giáo" từ lâu đã thờ trên cao nhất là Lạc Long Quân, Âu Cơ, Đức Thích Ca, Quan Âm, Từ Lộ (Từ Đạo Hạnh), Khổng Tử, Trần Hưng Đạo (và phu nhân), Thái Thượng lão quân cùng 12 vị tiên đồng ngọc nữ. Ở một số chùa và đền khác, chúng ta cũng thường gặp các Đức Phật chung bệ thờ với đức thánh Tản Viên, bà Chúa Liễu Hạnh, thậm chí Thần Độc Cước, Tam Bành, Huyền Đàn, ông Đùng bà Đà. Chuông chùa Thanh Lâm (thôn Nguyên Xá, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội) có khắc một bài minh của Tiến sĩ Trần Bá Lãm, đỗ Tam giáp khoa Đinh Mùi 1787, có đoạn như sau: *Tam giáo thịnh suy, bĩ thái cùng thấy, đều có từng thời; song, điều đáng quý đối với chúng ta là thời thế nào, thì cũng phải sử xự cho đúng thế ấy*"<sup>(1)</sup>.

Từ lâu, vấn đề Tam giáo đã được đặt ra, từ nhiều góc nhìn khác nhau, mỗi nhà nghiên cứu tự đưa ra một kiến giải của

minh. Để có thêm tư liệu về vấn đề này, chúng tôi xin giới thiệu toàn bộ nội dung bài minh văn trên chuông chùa Thanh Lâm.

## 1. CHUÔNG CHÙA THANH LÂM

Chùa cổ Thanh Lâm nằm ở thôn Nguyên Xá, xã Minh Khai, huyện Từ Liêm, Hà Nội. Trong chùa có nhiều di vật quý nhưng đáng kể nhất là quả chuông đồng đúc thời Tây Sơn - năm 1799. Chuông có kích thước: cao toàn bộ: 103cm; cao thân: 73cm; cao quai chuông: 30cm; đường kính miệng: 50cm; tỉ lệ chênh giữa cao thân với đường kính miệng: 2,1; tỉ lệ chênh giữa cao thân với cao quai chuông: 2,4. Quai chuông là hình một đôi rồng, quay mặt sang hai bên, hai đuôi xoắn lấy nhau, hai chi trước khuỳnh ra bám chặt lấy thân chuông, thân đôi rồng uốn cong tạo thành một quai hình bán nguyệt khá đẹp. Thân rồng có nhiều lớp vẩy, chỗ liền chỗ thủng, tạo ra độ cao thấp khác nhau tăng vẻ dữ tợn cho quả chuông.

Bên dưới sát mép với miệng chuông là 4 ô hình chữ nhật có trang trí hình bốn con vật quý là: Long, Li, Quy, Phượng còn được gọi là đề tài trang trí Tứ Linh.

Phía trên các ô trang trí tứ linh là 4 ô chữ nhật đứng khá lớn để khắc các đại tự và bài minh. Sau đây là phần phiên âm và dịch nghĩa.

*Phiên âm: Thanh Lâm Tự Chung.*

\*. TS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Mai Thanh Hải. *Tôn giáo thế giới và Việt Nam*. Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội 2000, tr. 144 - 145.

Di áp chi bàng hữu thôn viết Nguyên Xá, Phú Diễn xã ngũ thôn chi nhất dã, dĩ Kỉ Mùi chi đông thành Thanh Lâm tự chung. Cái trưởng lão thiện tín hợp tài di vi chi, nhi chu truyền kì sự tái áp nhân Nguyễn Trọng Cơ thê Nguyễn Thị Phùng dữ pháp tăng hiệu Pháp Thanh thành thê Nguyễn Thị Sân vi chi chủ tướng dữ nghệ dư khát nhất ngôn dữ chí chi. Thời hữu tây giai khách tốt nhiên vấn dư viết: Thích thi chi giáo ngô tịnh thi vi chân không, tướng công dĩ vi hà như. Dư ứng chi viết: ngã tự ấu việc nhỏ, ư thích giáo bất tăng thiệp liệt, trung niên ngộ loạn kiến phạm lâm đồng khí tận cung quân quốc chi nhu, quan binh nghệ tự dĩ lai hữu tàng hặc giả chiếp đao thống khảo, liên miên quát thứ nữ hữu thốn di, chung do khả dã, chí ư duệ đả sắc tướng thậm bất kham chính nhân. Phật giáo nhược quả hư vô hĩ, tài bất số lắm, nhân các hội tài, trùng tân đả tạo đồng chung, đồng tượng, tư tự giai phúc kì sơ trà quả hương yên vu hồ kì thịnh, phật giáo hữu nhược vi thủy bất hữu dã. Nãi tri thiên hạ vạn sự hà thường bất vô diệc hà thường bất hữu dã. Nãi tri thiên hạ vạn sự hà thường bất vô diệc mạc bất hữu thời sở quý hồ. Ngô nhân sở dĩ thời kì. Thời giả đương thời suy bĩ dã, nhiệm nhĩ bách ban mua diệc bất muội. Ngô chi chân như, cùng tác biến, biến tác thông, đại đạo vô hữu bất lợi hanh chi li đạo do lô dã. Nhân cái dị kì sở su, nhi tôn sùng kính tính tác căn ư thiên lí chi bản nhiên, *tam giáo* tính lập ư khung nhượng chi gian cung tường huy di tinh tựa tài vị thủy bất đồng ngô nhân. Tuy kì sở hảo nhi tông chi, yển tại tôn hữu tâm, hà như nhĩ đạo chi thông tắc tai hồ thời phi khả số hữu nhân viện biện dã. Khách viết: Thiện tai! Dư kí chi di vi cầu đạo giả khuyến. Sở hữu hội chư hưng công cập thập phương bố thí kì tính tiền số khai liệt vu hậu....

Hoàng triều Cảnh Thịnh thất niên trọng đông nguyệt nhị thập nhật.

Cự Lê triều Kỉ Hợi thịnh khoa tỉnh nguyên, Đinh Mùi chế khoa Đinh nguyên, Hàn lâm Viện, hiệu thảo, Từ Liêm, Văn Canh Trần Bá Lãm tĩnh phu soạn.

Kinh Bắc xứ Siêu Loại, Thị Cầu cự huyện thừa Nguyễn Danh Điển chú cục tinh khắc tự.

Bản xã Kiều Trì thôn cự tri sự chức Vương Đăng Đáp đả tự.

*Xin tạm dịch như sau:*

### **Bài văn trên Chuông chùa Thanh Lâm.**

Cạnh áp tôi có một thôn tên là Nguyên Xá, là một trong 5 thôn của xã Phú Diễn, vào mùa đông năm Kỉ Mùi đúc xong chuông chùa Thanh Lâm. Vốn các bậc trưởng lão thiện tín góp tiền của để đúc chuông ý nay việc đã hoàn thành trọn vẹn nên các vị chủ trương gồm người ở ấp tôi là Nguyễn Trọng Cơ và vợ là Nguyễn Thị Phùng cùng vị Pháp tăng hiệu là Pháp Thanh và vợ là Nguyễn Thị Sân đến gặp tôi xin vài lời để ghi vào chuông.

Lúc ấy, có một tây giai khách đến chơi nhà, chợt hỏi tôi rằng: “Giáo lí của họ Thích, nhà Nho ta bài bác nó là trống rỗng, ông định viết thế nào?”

Tôi trả lời rằng: “Tôi từ nhỏ vốn theo nghiệp Nho, đối với Phật giáo chưa từng hiểu biết. Đến tuổi trung niên gặp thời loạn lạc, thấy đồ đồng nơi cửa chùa tất thấy đều đóng góp cho việc quân quốc. Quan binh đến chùa bắt được ai chôn giấu những vật đó đều đánh đập tra khảo rất dữ. Vợ vết nhiều năm liên tiếp không còn chút gì. Chính chuông cũng không thoát khỏi tình trạng đó. Đồ tượng Phật thì bị đập phá. Thật là ngang tai trái mắt!”

Phật giáo quả thật là hư vô thế mà chỉ trong mấy năm mọi người ai nấy đóng góp tiền của để đúc lại chuông đồng, các chùa chiền đều được phục hồi như xưa. Việc hương khói trà quả dâng cúng lại thịnh vượng, Phật giáo từ xưa chưa từng có.

Thế mới biết mọi việc trong thiên hạ không có cái gì là không, cũng không có cái gì là có, mà sự thịnh suy, bĩ thái của *Tam giáo* không có gì không? Xem ở chỗ Trời đang ở trong thời kì suy bĩ dù kẻ khác trăm phương ngàn kế tiêu diệt cũng không mờ tối được. Cái chân như của ta gặp lúc cùng sẽ biến đổi mà biến đổi thì thành thông suốt.

Đạo cũng giống như con đường mà mỗi người có một cách đi khác nhau, song lòng sùng kính, sự tin tưởng thì đều được coi là cái gốc của thiên lí. *Tam giáo* cũng dựng lên trong khoảng trời đất, tuy tương mái khác nhau nhưng tinh cốt lại giống nhau. Ta tùy theo cái tốt đẹp của từng giáo lí mà coi trọng nó, cốt yếu là có lòng mà thôi. Tại sao ông lại hỏi như vậy? Cái việc thông suốt hay ách tắc đều do thời của nó, đâu có thể đem việc có hay không ra bàn được.

Khách rằng: “Đúng thay!”.

Ta bèn cầm bút ghi lại việc đó để khuyến khích những kẻ theo đạo. Những người góp công của cùng thập phương thiện tín. Tên họ và số tiền đóng góp của mọi người kê khai dưới đây...

Ngày 20 tháng 11 năm Cảnh Thịnh thứ 7 (1799).

Tỉnh phu Trần Bá Lãm quê ở xã Văn Canh huyện Từ Liêm đỗ Tiến nguyên Thịnh khoa năm Kỷ Hợi, Tam Giáp khoa Đinh Mùi (1787), chức Hiệu thảo Viện Hàn lâm soạn văn.

Cự huyện thừa Nguyễn Danh Đình người Thị Cầu, Siêu Loại xứ Kinh Bắc đức chuông và khắc chữ.

Cự tri sự Vương Đăng Đáp người thôn Kiều Trì của bản xã viết chữ<sup>(2)</sup>.

## 2. TRỞ LẠI VẤN ĐỀ TAM GIÁO

Tam giáo là một vấn đề tư tưởng và tín ngưỡng tôn giáo có ở xã hội Việt Nam chúng ta từ khá lâu. Có thể chia sự phát triển của Tam giáo thành hai thời kì.

### A. Thời kì Tam giáo qua các khoa thi thời Lý - Trần.

Việt Nam thời Lý - Trần, lấy hệ tư tưởng Phật giáo làm chính thống. Một xã hội Phật giáo là xã hội chịu ảnh hưởng của tính nhân văn không sát sinh, không có sống, không có chết... Cái khuynh hướng tư tưởng ấy trở nên mâu thuẫn với việc cai trị một đất nước, một xã hội người đa dạng, có người thiện, có kẻ ác. Mâu thuẫn nội sinh này bắt buộc Phật giáo phải có những ứng biến mới. Chính vì vậy mà Văn Miếu đã được thành lập vào năm 1070 và 5 năm sau Quốc Tử Giám ra đời (1075). Cũng vào năm này, có tổ chức khoa thi đầu tiên mà người đỗ trạng nguyên là Lê Văn Thịnh. Nho giáo cùng song hành với Phật giáo và các tôn giáo khác. Tất cả các khuynh hướng ấy, theo các nhà nghiên cứu có thể tìm quy về hệ thống Tam giáo do Vạn Hạnh đề xướng thành tiêu chuẩn đầu tiên.

Vạn Hạnh là thiền sư Việt Nam, thuộc đời thứ 12 dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Sư họ Nguyễn người làng Cổ Pháp, thuở nhỏ đã là người thông minh, học *Tam giáo* (Nho, Lão, Thích) và nghiên cứu Bách Luận. Năm 21 tuổi, Sư theo Sư Định Huệ và thụ học với Thiên Ông Đạo Giả ở chùa Lục Tổ làng Dịch Bảng, phủ Thiên Đức. Sau khi Thiên Ông tịch, Sư kế tục trụ trì chùa này, chuyên tập “Tổng trì thiên ma địa” và cũng vì thế khuynh hướng Mật giáo của Sư rất rõ. Vua Lê Đại Hành rất tôn kính Sư.

Năm 980, tướng Tống là Hầu Nhân Bảo đem quân đánh nước ta. Sư tiên đoán vài ngày sau giặc sẽ rút, quả nhiên đúng như thế. Đến lúc Lê Ngọa Triều lên ngôi, nhân dân oán ghét sự tàn bạo của vua. Lúc đó Lý Công Uẩn làm chức Thân vệ, có theo học thiền với Sư. Nhân cơ hội đó Đào Cam Mộc bàn kế với Sư đưa Lý Công Uẩn lên

2. TS. Đinh Khắc Thuân đã giúp hoàn chỉnh bản dịch.

ngôi, xưng là Lý Thái Tổ, niên hiệu Thuận Thiên. Để chiêu an bách tính, Sư ra yết thị:

Tật Lê trầm Bắc thủy, Lý tử thụ Nam thiên.

Tứ phương qua can tịnh, Bát biểu hạ bình an.

(*Tật Lê chìm bể Bắc, Cây Lý che trời Nam.*)

*Bốn phương binh đao dứt, Tám hướng thủy bình an.*)

Năm Thuận Thiên thứ 9 (1018). Sư không bệnh gọi chúng tới đọc kệ.

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô.

Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô

Nhậm vận thịnh suy vô bố úy

Thịnh suy như lộ thảo đầu phôi.

(*Thân như bóng chớp có rồi không,*

*Cây cỏ xuân tươi, thu đượm hồng,*

*Mặc cuộc thịnh suy không sợ hãi,*

*Thịnh suy như cỏ hạt sương đông.*)

Sau đó Sư bảo: “Các người cần trụ chỗ nào? Ta chẳng lấy chỗ trụ mà trụ, chẳng y không trụ mà trụ.” Sau khi Sư tịch, nhà vua và đệ tử làm hoả táng và xây tháp cúng dường.

Về sau vua Lý Nhân Tông có bài:

*"Vạn Hạnh dung tam tế,*

*Ung phù cổ sấm thi,*

*Hương quan danh Cổ Pháp,*

*Trụ tích chốn ương kì."*

Có nghĩa là:

Vạn Hạnh thông ba mê

Thật hợp lời sấm xưa

Quê nhà tên Cổ Pháp

Dụng gậy vững kinh vua<sup>(3)</sup>.

Thông ba mê của Vạn Hạnh thiên sư phải được hiểu là chủ trương của Vạn Hạnh lấy phương pháp Thiên học để dung hòa 3 cõi Trời (siêu nhiên) Đất (thiên nhiên)

Người (nhân sinh). Rõ ràng tư tưởng này của Thiên sư Vạn Hạnh đã có tác động mạnh mẽ vào hệ tư tưởng Phật giáo, vào khoa cử thời Lý - Trần.

Triều Lý Nhân Tông (1075), bắt đầu nhà vua cho ban chiếu tuyển nhân sĩ trong nước vào thi Minh Kinh bác học và thi Tam Trường Nho học. Năm 1086 tháng Tám, thi các nhà văn học trong nước để bổ vào Hàn Lâm Viện. Triều Lý Anh Tông (1138-1175) năm thứ 12 (1150) tháng Mười có điện thí. Bấy giờ phép thi còn chưa định rõ ràng. Năm 1165 tháng Tám thi Thái học sinh. Năm 1179 vua Lý Cao Tông (1176-1210) tháng Giêng thi nhân sĩ trong nước, từ 15 tuổi, có thể thông thi thư, được vào cung vua thị học nghe giảng. Vua cùng Hoàng hậu xem con em tăng quan thi đọc kinh Bát Nhã, lại ngự ra điện Phụng Minh xem bọn hoàng nam thi chép các thơ cổ nhân và làm toán. Năm 1180 Vua chiếu thi Tam giáo.

Sử gia Ngô Sĩ Liên có bàn về thi Tam giáo như sau: "Thi Tam giáo là có thể thông hiểu cả 3 giáo lí Nho, Đạo, Thích để ra làm quan. Các vị chân Nho thời xưa cùng xem rộng các sách của bách gia chư tử, ra vào đạo Lão và đạo Phật mung lung huyền bí không căn cứ vào đâu được cả. Trở lại tìm vào 6 kinh (Thi, Thư, Dịch, Xuân Thu, Lễ, Nhạc). Sáu kinh truyền cái đạo của Khổng Tử, có quan hệ vua tôi, cha con, có giáo huấn về định luật của sự vật, về luân thường của nhân dân, mà tôn chỉ cơ bản thì ở tại nguyên lí duy tinh, duy nhất khiến cho người ta một khi đã theo đạo Nho, mà lại thông hiểu sang đạo Phật và đạo Lão. Đạo Lão chủ thuyết thiên biến, vạn hóa có đức lại không cho là đức, tùy cảm mà ứng vật không biết đâu là vết tích thường còn. Đạo Phật thì thuyết: Không có sống, không có chết, không từ đâu đến và không đi về đâu, cùng không có cả sức

3. Chân Nguyên, Nguyễn Tường Bách. *Từ điển Phật học*. Nxb Thuận Hóa, Huế 1999, tr. 481 - 482.

manh gân thịt, cùng không có tướng mạo. Đây là những cái học rộng mà không thuần nhất, tâm tạp loạn, thiếu nhất trí tuy có được kinh sách của các vua như Hiên Viên, Đế Cốc để lại, hay là giác ngộ được bí truyền huyền diệu của A Nan hay Ca Diếp, thì có giúp gì cho đường đời, có ích gì cho quốc dân, cho ra làm quan để làm chi vậy thay”<sup>(4)</sup>.

Phan Huy Chú viết về Tam giáo trong *Lịch triều hiến chương loại chí* như sau: "Triều đại Lý - Trần, cả hai thời đều tôn sùng Phật, Lão cho nên tuyển chọn nhân sĩ ắt lấy người kiêm thông cả hai giáo lí ấy. Tuy chính đạo dị đoan đều được tôn sùng không phân biệt cho nên kẻ sĩ ứng thi vào những khoa ấy nếu không học rộng, biết nhiều thì không được lựa chọn. Hãy xét xem giáo lí Phật, Lão thật không phải kẻ đi học nên học tập, mà cái đạo lớn của thánh Khổng há dung cho sự thịnh hành. Nhìn vào cái học thế tục, đều bỏ thực học sùng hoa mỹ, bỏ gốc tìm ngọn, đối với cái học tu tĩnh cho mình của thánh hiền Nho đã trở nên trái nghịch phản bội. Nhìn sự trì thủ của các dòng tu sĩ còn lo không kịp tới được, huống chi còn mong phát triển những nghĩa sâu của thánh nhân, mà làm sáng truyền thống chính học được sao? Tuy nhiên, khoa mục lấy người phải đâu đều hạng chân Nho. Có hạng Nho câu chấp vào chương cú e rằng chưa có thể mong cậy trách vụ trị bình. Trộm nghĩ theo phép lấy kẻ sĩ nên căn cứ vào đức hạnh làm gốc. Người mà thực có bản lĩnh thì dù có kiêm thông Tam giáo (Phật, Lão, Nho) Cửu Lưu (Nho Lưu, Pháp Lưu, Danh Lưu, Dương Chu, Mặc Địch, Âm Dương, Tung Hoàn, Nông Lưu, Tạp Lưu) có hại gì? Bằng không được như thế, mà chỉ cắt nát miệng tai, trộm cắp ở sáo cũ, xét kỹ cái chỗ có được ấy e rằng cùng chỉ là việc đẽo bánh lái thuyền trong nước, hay giữ gốc cây chờ thỏ, đâu phải việc làm của Nho sĩ. Ngụy này trước luận bàn về điều chính mà có cảm tưởng nên mới bàn thêm vậy”<sup>(5)</sup>.

Thi Tam giáo chỉ tồn tại vào thời Lý - Trần. Như Ngô Sĩ Liên và Phan Huy Chú nhấn mạnh, những cuộc thi này nhằm chọn người ra làm quan. Do vậy, từ một góc độ nào đó ở xã hội phong kiến, Tam giáo là thứ giáo lí của những kẻ làm quan.

Từ thời Lê về sau không thấy thi Tam giáo nữa. Như vậy, về mặt chính thống các cuộc thi Tam giáo coi như không còn nhưng Tam giáo vẫn được bảo lưu lâu dài trong các đình, đền, chùa làng và trong văn hoá dân gian ở các thời đại sau.

### **B. Tam giáo trong dân gian sau thời Lý - Trần**

Trong một bài viết trên Tạp chí *Khảo cổ học*, khi nghiên cứu về *Đình làng, tính hai mặt và quá trình biến đổi*, chúng tôi cho rằng khi bước vào thời Lê với Nho giáo làm quốc giáo, xã hội Việt Nam đã bước vào một giai đoạn mới - giai đoạn quản lí xã hội theo các thiết chế mới - lấy pháp trị làm gốc. Nhiều bộ luật khắt khe ra đời, cạnh đó là các lệ làng, hương ước đã làm cho xã hội với đơn vị làng là cấp sơ sơ bước vào những ngổn ngang, những vướng mắc mới<sup>(6)</sup>.

Tầng lớp Nho gia bị dần vật bởi cái triết lí Khổng giáo lấy cái *Đức* làm gốc. *Đức Trị* sẽ không còn giá trị trong một xã hội pháp quyền. Những hé mở thông thương giữa nước ta với các nhà buôn tư bản phương Tây, đã làm cho việc đánh giá cái *Đức* có phần chao đảo. Những dần vật này cứ lớn dần lên sinh ra những bế tắc về mặt tư tưởng. Chính vì vậy, các Nho gia nghiêng về tìm hiểu triết lí Phật giáo và lại

4. Nguyễn Đăng Thục. *Đại quan tư tưởng thời đại nhà Trần*. Tập san *Khảo cổ học*. Số VII, Sài Gòn 1971, tr. 227.

5. Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Khoa mục chí, T. III. Nxb Sử học, Hà Nội 1961, tr. 54.

6. Xem: Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Mạnh Cường. *Đình làng, tính hai mặt và quá trình biến đổi*. Tạp chí *Khảo cổ học*, số 3, 1995, tr. 47 - 62.

thích cái thú tiêu dao của Lão Tử hay vô vi của Trang Tử để “trốn” cái thực tế xã hội đang sống. Càng về sau, càng có nhiều Nho gia viết cho Phật và mượn triết lí Phật, Đạo dài bày tấm lòng mình, mà vị quan Trần Bá Lãm quê ở Vân Canh, Từ Liêm (Hà Nội) là một thí dụ cụ thể.

Không phải chỉ có một bài minh trên chuông chùa Thanh Lâm nói về vấn đề Tam giáo mà còn nhiều bài minh khác cùng thời này đề cập đến nó. Bên cạnh đó, chúng ta phải kể đến Ngô Thời Nhậm với *Thánh Nguyên tông chỉ nguyên thanh* của Thiên phái Trúc Lâm để minh chứng rằng, nhà Nho thời này thích nói về Phật giáo... Tam giáo đã trở thành một vấn đề bức xúc xã hội. Vấn đề này lại do chính các nhà Nho đề xướng ra và được văn học dân gian thừa nhận.

Vấn đề “Tam giáo đồng tôn”, “Tam giáo đồng nguyên” đã bắt đầu ăn nhập vào trong các ngôi chùa cuối thời Lê đầu thời Nguyễn. Trong nhiều ngôi chùa, trên ban thờ Phật xuất hiện một loại hình *tam thế mới*, tam thế với Phật - Nho - Lão cùng song hành tồn tại với tam thế Phật. Chúng tôi có trong tay nhiều bản vẽ mặt bằng Phật điện các chùa, trong đó có bài trí các tượng tam thế với sự chỉ định đây là tượng Phật Thích Ca Mâu Ni, đây là tượng Khổng Tử, kia là Lão Tử... Với các giáo phái ở miền Nam, chúng ta thấy có nhiều giáo phái vẫn sử dụng hệ thống Tam giáo đồng tôn này, như đạo Cao Đài.

Lại thêm việc xuất hiện phủ thờ trong các ngôi chùa. Các phủ thờ thường hay đặt sau Phật điện như một mô típ “*tiền Phật hậu Thánh*”. Hiện tại, mọi người thường quy các phủ thờ này là của Bà Chúa Liễu hay Liễu Hạnh quê ở Phủ Giày, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định. Trên thực tế, Chúa Liễu cũng chỉ là một nhân vật trong hệ

thống Bát Tiên và Tứ Bất Tử của Việt Nam. Bát Tiên, Tứ Bất Tử hay đạo Tu Tiên đã có từ thời xa xưa với Tiên Dung - Chủ Đồng Tử.

Đình, đền, chùa - ba kiến trúc tôn giáo hoà nhập trong một tổng thể kiến trúc tôn giáo ở mọi làng quê Việt Nam là một minh chứng toàn mỹ nhất cho một dạng cấu trúc tam giáo đồng tôn. Tại làng La Dương, xã Dương Nội, huyện Hoài Đức, Hà Tây, ba kiến trúc tôn giáo này chỉ thờ có một chủ thể thần linh, những vị thánh tổ dưới các cái tên nghe rất Phật giáo: Từ Đạo Hạnh - Không Lộ và Giác Hải thiền sư. Ba vị này được thờ ở chùa với ba pho tượng đồng kê sát với hàng tượng Thích Ca Cửu Long. Khi ở đình, tam vị thánh tổ nhập lại với nhau theo tên gọi trong sắc phong là Tam vị Minh Tuất. Rồi cũng chính “tam vị” ấy lại có mặt trong gian trang trọng nhất của đền thờ La Dương, cùng với nhiều vị thánh nữa của Đạo giáo làm thành một hình thức tam giáo vừa có tính chính thống lại mang đậm màu sắc văn hoá dân gian. Chỉ tiếc rằng, những di tích này hiện còn không nhiều. Tam vị nhất thể không chỉ thấy ở Việt Nam mà còn có ở nhiều dân tộc khác tại vùng Đông Nam Á, như bộ ba “Vishnu-Braman - Siva” của Bà La Môn giáo ở người Khmer...

Sự hòa đồng giữa Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo đã làm cho tôn giáo Việt nam mang màu sắc mới - Tam giáo. Hệ thống Tam giáo ấy lúc đầu nằm trong sự quản lí chính thống của nhà nước phong kiến thông qua khoa cử thời Lý - Trần để đào tạo lớp người ra làm quan. Khi hệ thống Tam giáo mất đi vai trò chính thống của nó trong các triều đại phong kiến tiếp theo, nó trở về với đời sống dân gian, tồn tại trong các đình, đền, chùa, phục vụ cho đời sống tâm linh của người dân./.